

772

• Thủ Dầu Một Đàn

Nơi có đền thờ chính của chi Minh Thiện* do ông Trần hiển Vinh chủ trì tại Thủ Dầu Một, Nam Việt, là nơi quan phủ Ngô văn Chiêu tìm đến hai lần để xin thuốc Tiên chữa bệnh cho bà mẹ và từ đó đi vào lễ mầu nhiệm* của Đạo học* Đông phương* tại Việt Nam, Đàn Thủ Dầu Một cũng là nơi mà nhóm phò loan* đã liên hệ với ông Phan Tý để tìm mượn ngọc cơ* nhằm thay thế lối xây bàn* do cô Thất Nương* chỉ dẫn để có thể tiếp được Thiên điển các đấng nơi cõi Vô hình mà Thượng Đế* mới có thể giáng hiện.

• thuần chơn vô ngã

Một tông chỉ của Cao Đài giáo* cần cho sự giáo hóa chúng sanh trong tinh thần tìm về Chánh đạo* phải vô tư trước mọi tư tưởng và học thuyết kim cổ đông tây khi thế gian đầy đầy những trò ngôn luận phàm giáo mà các huyền thoại cự giáo* từ hai Kỳ Phổ Độ* trước đã trải qua 5000 năm nay đang lưu lại những tệ trạng khiến con người sinh ra không biết mình từ đâu đến và khi chết* sẽ về đâu. Đó cũng chỉ là những giả thuyết khi Thiên đàng và Địa ngục* ngày nay đã được minh định con người khi sống cần phải làm gì và khi chết sẽ về đâu sau thời gian tự mình chịu cơ khảo duyệt để trả cho

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

xong mối nợ trần mà không ai mang xác phàm không mắc phải dù đã mang áo mão cân đai nếu không tự mình làm ra những nhu cầu cho cuộc sống thế gian nơi trường tấn hóa khi mà Con người là một Nhân Thân Tiểu Thiên Địa* có sứ mạng* rõ rệt. Do đó các học thuyết kim cổ đông tây đã do mức độ hiểu biết của mỗi người theo từng địa phương không cần phải tranh luận vì một khi con người theo mức độ hiểu biết của họ nên không thể làm gì hơn...

• Thuấn (2317-2208 trước Tây lịch)

Người nước Tàu thời Thượng Cổ tên là Trùng Hoa, dòng dõi Chuyên Húc Cung Thiên, năm 2288 trước Tây lịch được vua Nghiêu* triệu vào cung, năm 2285 trước Tây lịch nối ngôi vua Nghiêu lo việc hành chánh, năm 2225 trước Tây lịch được vua Vũ thay việc hành chánh, đến năm 2208 trước Tây lịch vua băng hà, truyền ngôi cho vua Đại Vũ* nhà Hạ. Vua Thuấn đặt tên nước là Ngu.

• thuốc trường sanh

L'elixir de longue vie^F - Elixir of long life - Theo các nhà luyện đạo* cổ Tây Âu thì thuốc trường sanh là một dung dịch tắm đá triết lý* trong rượu. Thuốc này giúp gìn giữ sức khỏe, theo Arnault de Villeneuve, làm tăng sức can đảm, từ một ông già nó làm thành một trai tráng. Nó xua đuổi mọi sự cay đắng, tránh xa sự đau đớn con tim, làm tươi nhuận các huyết quản, tăng cường các buồng phổi, lọc sạch máu và chữa các vết thương. Nếu bệnh nhân đã đau đớn trong một tháng, nó làm lành trong một ngày, nếu bệnh trong một năm thì nó làm lành trong 12 ngày và nếu bệnh trong nhiều năm thì nó sẽ làm lành trong một tháng.

• thuyền Bát nhã

arche de huit béatitudes^F - ark of eight bea-titudes^A
- 般若船 - Tiếng phạn, Bát nhã* là trí tuệ. Chỉ thuyền đưa tiễn người chết* về bến giác (*bờ trí tuệ*).

• thuyền tế độ

arche de salut^F - ark of salvation^A - 濟度船 - Chỉ các tôn giáo* hiện diện trên thế gian được xem như những phương tiện cứu thế nơi cõi trần sa đọa gọi là biển trầm luân làm người say đắm (*chưa hẳn là*

Đồng Tân

bể khổ* theo thuyết Phật) nên thuyền tế độ* chính là cụ thể hóa sự cứu vớt chúng sanh của tôn giáo.

• thuyền từ

arche de miséricorde^F - *ark of mercy*^A - 慈船 - Chiếc thuyền làm việc từ thiện, ám chỉ mục đích chung của các tôn giáo* là cứu độ* chúng sanh, không phân biệt.

• thuyết biến hình vũ trụ

cosmogonie^F - *cosmogony*^A - 說成刑宇宙 - Khoa học* về sự hình thành vũ trụ. Người ta phân biệt hai phía, một thuyết duy tâm thì cho rằng vật chất, sự thành hình các tinh tú và các hành tinh là kết quả sự dồn nén của một năng lực tự nó không phải vật chất (*Leibniz**) và một thuyết duy vật thì đặt nguyên tử vật chất vào nguồn gốc của tất cả mọi vật và suy diễn năng lực vận hành của các nguyên tử chồng lên nhau (*Descartes**, *Kant**, *Laplace*). Bên cạnh các lý thuyết có dòng giống (*génétique*) này còn có lý thuyết tại học (*catastrophique*), trong đó thuyết của Buffon đi đầu, đã giải thích sự phát sinh của Thái Dương hệ là do sự gặp nhau của một sao Chổi và mặt trời. Người ta còn nhắc đến những luận cứ của các người Anh như Jeans và Jeffreys. Chính trong chiều hướng của sự cải thiện lý thuyết tinh vân mà các cuộc sưu tầm tân kỳ mới được hướng về đó. Vấn đề đã được nêu ra trong tiến trình của ngành Thiên Văn học* không kể Nho giáo* với Kinh Dịch* và đạo Chúa với Kinh Thánh*, hay Phật giáo* với Đại Thừa thì vấn đề mang tính địa phương cục bộ vẫn còn mù mịt chỉ được con mắt hạn hẹp của thế gian trong phạm vi tín đồ mà thôi. Cao Đài giáo* thì đã có một vũ trụ quan theo tinh thần khoa học hiện đại bắt nguồn từ khoa Thiên Văn học* Tây phương qua lời chỉ dạy cách hình thành quả Càn Khôn* nơi Bát Quái Đài* (theo *Kinh Dịch*) và phát họa trên đó 3072 ngôi sao (theo sách *Thiên văn Tây phương qua ông Bính*) tức cũng đã là một tổng hợp vũ trụ quan Đông phương* cùng Tây phương như một phản ảnh trung thực của tinh thần tổ hợp của nền tôn giáo* mới. Còn về phương diện khảo thí* nơi con người thì tác phẩm Bản Thể Luận* của Đồng Tân đã được tái bản năm 1999 tại Úc châu cũng cho bạn đọc một vũ trụ quan cùng nhân sinh quan rõ rệt theo thực tế không mang đầy tính trừu tượng thần thoại* như các tôn

giáo xưa.

• thuyết lý trí hữu hạn

agnosticisme^F - *agnosticism*^A - 說理智有限 - Chủ nghĩa hay thái độ triết học* cho rằng Tuyệt đối là bất khả tri, nghĩa là không thể dùng trí óc mà nhận biết được Lý* Tuyệt đối*. Lối diễn đạt tổng thể của một trí óc thực nghiệm về mặt thí nghiệm, hoài nghi về mặt tôn giáo* và siêu hình (*Kant** - A. Comte*). Người chủ trì thuyết này đối lập với các người trực quan* (phổ biến sự tín ngưỡng vô luận) cũng như những người giáo điều* (xác định chân lý tuyệt đối bằng lý luận của họ).

• thư hùng kiếm

雌雄劍 - Cổ pháp của Thượng Sanh* giắt nơi lưng theo đại phục*, ý nghĩa về thế quyền: tạo thế và chuyển thế theo tinh thần trọng trách của vị này là Chương quân chi Thế* của Hiệp Thiên Đài*.

• Thứ Trưng Hồng Phạm

次徵洪範 - Năm loại ứng với thời tiết trong triết lý Hồng Phạm Cửu Trù* nguyên văn như sau: "Viết vũ, viết dịch, viết úc, viết hàn, viết phong, viết thời, ngũ giả lai bị, các dĩ kỳ tự, thử thảo phồn vu" (Rằng mưa, rằng nắng, rằng nóng, rằng rét, rằng gió, gọi là mùa; năm thứ ấy có cả mà đều đặn với tiết hậu thì mọi giống cỏ cây tươi tốt).

• thử thách

épreuves^F - *trials*^A - 承吏 - Những sự khảo duyệt rèn luyện tâm chí con người tùy theo căn duyên* mà họ phải gánh chịu, thường với người tu học là do sự đặt đề của thế giới Vô hình qua bàn tay Tà thần* được lệnh của Đấng Thượng Đế* nhất là các khía cạnh giới luật*, nếu họ vượt qua được thì trình độ tu học càng cao. Và cũng tùy theo mức độ đó mà có những thử thách cao tương ứng theo hai chiều thuận nghịch mà đối tượng cần có thái độ đối đầu. Truyền thuyết Đạo học* Đông phương* có câu: "Đạo cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng; đạo cao nhứt trượng, ma cao đầu thượng" (Đạo cao một thước thì ma cao một trượng; đạo cao một trượng thì ma cao tận trên đầu, ý nói ma quỷ cũng có quyền phép áp đảo con người). Trong Cao Đài giáo*, buổi sơ khai cơ Phổ Độ, Đức Cao Đài* đã dạy: "Thầy nói cho các con hiểu rằng muốn xứng

đáng làm môn đệ Thầy là khổ hạnh lắm. Hễ càng thương bao nhiêu thì Thầy lại càng hành bấy nhiêu. Như đáng làm môn đệ Thầy thì là Bạch Ngọc Kinh* mới chịu rước, còn ngã thì của địa ngục* lại mời. Thương thương, ghét ghét, ai thấu đáo vậy ôi! Bởi vậy cho nên, Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyên dụ, cũng chẳng vì thương mà không sai quở dỗ dành. Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình. Chung quanh các con, dù xa dù gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp chúng nó chẳng thấy động là đạo đức của các con. Ấy vậy ráng giữ gìn bộ thiết giáp ấy hoài cho tới ngày các con hội hiệp cùng Thầy..." (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* ngày 13 tháng 3 năm 1926). Vì thế, sự thử thách - cũng gọi là cơ khảo thí* về đạo sự có thể đến với cá nhân thường là sự phạm qui giới hay lao tù vì đạo nghĩa, nhưng cũng đến với tập thể như những vụ thảm sát do một hiện tượng phi nhân cách hoặc từ tôn giáo* bởi tà quyền phạm phu hoặc bởi trò chính trị vô nhân như đã đến với tín đồ Cao Đài tỉnh Quảng Ngãi (Xem vụ thảm sát Quảng Ngãi*). Trong khi đó, phần Vô Vi, người tu thường suy dẫn câu châm ngôn Đạo học Đông phương* trên trong việc tu tấn để rèn luyện hạnh đức mà đức Ngô Minh Chiêu* là người thường chỉ dạy. Nói cho rõ, người tu không khác một thí sinh, trường đời là trường khảo hạch, đề thi là trò khảo duyệt, nếu có đủ tài năng - đây là đạo hạnh - vượt qua được thì tức là trúng tuyển - cũng có nghĩa là thành tựu đột tu; trải qua nhiều đợt như thế, cuối cùng thì đắc đạo*. Cụ thể trong phần Vô Vi có hai bộ* trong thời gian 12 năm, nhứt bộ 3 năm và nhị bộ 8 năm. Phần nhiều môn đệ tâm pháp Chiêu Minh Tam Thanh* đã thành tựu được như vậy mới có được ấn chứng* "mở Thiên Nhãn*".

• Thừa Sứ

Chức sắc* cấp thấp của Cơ quan Hiệp Thiên Đài* do ông Phạm công Tác* đặt ra để phục vụ Thập nhị Thời quân* trong việc giữ gìn luật đạo, đối phẩm Giáo Hữu* Cửu Trùng Đài*.

• thừa trọng tôn

Le petit fils en grand deuil^f - *The grand child in great mourning*^A - 承重孫 - Đứa cháu đích tôn để

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

tang ông nội hay bà nội vừa thay cho cha khi cha mất trước ông bà nội, thường là cháu thừa trọng để đại tang 24 tháng.

• thức

conscience^f - *conscience*^A - 識 - Cảm tính mà ai cũng có về sự hiện hữu và hành động của mình. Khái niệm về thức trước tiên có một ý nghĩa tâm lý: thức phát triển với ký ức* và hồi tưởng. Theo nghĩa này phải có sự ngừng nghỉ của hành động để nảy ra một thức. Sau đó nó có một nghĩa luân lý đồng nghĩa với cảm tính và bốn phận* (ý thức*, bản năng* thiêng liêng*). Ngoài ra, khi nó được nắm thụ từ khi sinh ra thì gọi là giác thức* vì không phụ thuộc vào bất cứ yếu tố nhân tạo nào như khi còn trong bào thai (danh từ mới của Đồng Tân).

• thức

Vinna^p - Theo Phật giáo*, Thức là nhân duyên* thứ ba trong 12 nhân duyên, chỉ sự hiểu biết bằng ngũ quan nên không được sáng suốt, cứ tưởng rằng có ta thật nên ham muốn sống mãi trong cảnh ấy. Lòng ham muốn tạo thành một sức mạnh, một động lực sanh tử gọi là thân thức đi đầu thai. Đây là một luận cứ mà các nhà sư bày ra theo ý của mình vì họ không nhìn nhận sự hiện hữu của linh hồn* con người, do đó thuyết Phật qua duy thức học* chỉ đưa ra phản tượng và phản dụng của thức chỉ là những tính chất tác dụng bề ngoài, còn phần thâm sâu là phần thể của nó thì họ không nắm bắt được. Cho nên, duy thức học Phật giáo chỉ là sự mò mẫm trong vọng tưởng giới của các nhà sư mà cứ đổ cho con người sự vọng tưởng đó.

• thức thần

識神 - Sự hiểu biết do phần vọng niệm con người chợt nảy ra trong một trường hợp nào đó, na ná như một hiện tượng xuất thần* màu nhiệm* nhưng không có tính thiêng liêng*. Trong hiện tượng cầu cơ*, người đồng tử* bị lẫn điển quang vô hình tác động trong khi viết ra những lời Thánh ngôn, nhưng dễ thường cũng có thể bị sự xâm nhập của vọng động tâm não về những thu thập đã có trước mà lắm khi lời viết ra bị ảnh hưởng không ít. Khi đó lời cơ viết ra không hoàn toàn từ Thiên điển mà do nhơn điển chi phối, lúc đó là do thức thần của người đồng tử mà ra thôi. Cho nên nhiều bài cơ

Đồng Tân

dùng các ngôn từ cụ giáo* không thiếu trong Thánh ngôn* Cao Đài* là do hiện tượng này.

• thực dụng chủ nghĩa

pragmatique^F - pragmatism^A - 實用主義 - Thuyết kinh nghiệm mà giá trị thực tiễn, nghĩa là sự thành tựu, là tiêu chuẩn của chân lý*. Nó được thể hiện bởi William James, John Dewey, Edouard le Roy, Laberthonnière, Popini. Về khoa học*, nó chỉ thừa nhận chân lý của một định luật hay một lý thuyết khi nào nó có khả năng đem vào áp dụng trong thực tế. Một tôn giáo* được gọi là chân lý khi nó rất tốt về mặt luân lý. Chủ nghĩa thực dụng đối lập với duy lý luận* mà theo đó, một vật không phải là thật bởi vì nó có ích, nhưng có ích để dạy dỗ bởi vì nó thật. Được phổ biến bởi William James, thực dụng chủ nghĩa có một thời kỳ vinh quang vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Hầu như bị mất đi ở Âu châu, nó còn tồn tại đến ngày nay trong vài trung tâm triết học* ở Hoa Kỳ.

• thực hành thuyết

philosophie pratique^F - practical philosophy^A - Thành phần của triết học* dành cho vấn đề hành động của con người. Khái niệm về triết học thực hành bao gồm tất cả suy tư về những liên hệ xã hội (*xã hội học**), liên hệ giữa các giai cấp khác nhau (*suy tư về chính trị kinh tế - thuyết Marx**...). Triết học thực hành bao gồm nền triết học luân lý vốn là một phần của triết học thực hành và vấn đề căn bản của nó là số phận con người trên thế giới. Nó có thể trình bày, theo danh từ của Kant*, như một giải đáp cho câu hỏi: Tôi phải làm gì? Triết học thực hành đối lập với triết học lý thuyết trả lời câu hỏi của con người: Tôi có thể biết gì? Và nó phân biệt với triết học tôn giáo* đã tự hỏi: Tôi sẽ là gì về mặt hy vọng nếu tôi sống cuộc đời đúng theo các nguyên lý của triết học? Mục đích của triết học thực hành là chỉ cho con người những điều kiện (*xã hội, kinh tế, chính trị và luân lý*) để cho họ đạt được hạnh phúc. Nó song hành với thực dụng chủ nghĩa*.

• thực nghiệm thuyết

positivisme^F - positivism^A - 實驗說 - Chủ nghĩa triết học* của Auguste Comte* và môn đệ. Nói rộng ra, khuynh hướng của các ý tưởng chống lại siêu

hình học và chỉ muốn tạo nên kiến thức trên những sự kiện. Chủ nghĩa này trình bày một triết học khoa học*, một nền chính trị và một tôn giáo* nhân loại*.

• Thực Thể

Le Principe Créateur de Phénomènes Naturels^F - The Creative Principle of Natural Phenomena^A - 實體 - Một Thể tính* phát khai các Hiện Tượng thiên nhiên*. Bản Thể Luận* cho rằng Thực Thể biến sinh từ Hữu Thể* (*Nguyên Nhân đầu tiên* của Vạn Vật*) gồm những Mô Thể* Tâm Vật trong không gian tạo nên hai thành phần Vũ trụ: Vũ trụ Tâm linh và Vũ trụ Vật chất luôn luôn hiện diện dù con người có nhận biết hay không. Đây là một danh từ được thế giới Vô hình phát lộ cho Đồng Tân nghe biết, chứ không phải theo nghĩa thường dùng đã có trước trong ngôn ngữ Việt Nam.

• thực thể học

ontologie^F - ontology^A - 實體學 - Theo kiến thức ngôn từ hiện có thì thực thể học là khoa học* của bản thể (*l'être en soi*) đối lập với nhân chủng học* là khoa học về con người. Platon*, (*cuốn VII Nền Cộng Hòa*), Spinoza*, Hegel* và Heidegger* đã khai triển vấn đề thực thể học mà trước tiên (*với Platon*) là vấn đề của ánh sáng khám phá cho chúng ta những sự vật ở đời; tiếp theo (*với Spinoza*) là vấn đề Thượng Đế*, rồi (*với Heidegger*) là vấn đề của sự hiện hữu hoàn thành nơi con người. Thực thể học phân tích ánh sáng làm cái thể của mọi vật và cả trí óc con người (*Platon*) cũng phân biệt với luân lý, vốn nghiên cứu cái gì có thể có và thể hiện như một lý thuyết về hành động (*chứ không phải lý thuyết về thể*). Thực thể học, vốn là sự đi tìm tuyệt đối* là mục đích tối thượng của mọi triết học*.

• thực thể nghiệm chứng

preuve ontologique^F - ontological evidence^A - 實體驗證 - Nghiệm chứng về sự hiện hữu của Thượng Đế*. Người ta phân biệt ba loại thực thể cổ điển: 1- Thực thể nghiệm chứng suy diễn từ ý tưởng Thượng Đế, bản thể toàn thiện, sự cần thiết hiện hữu của Ngài (*nếu Ngài đã không có thì Ngài không hoàn thiện*). Kant* đã chống lại nghiệm chứng này chỉ là một nghiệm chứng hình thức và không phải

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

là một thí nghiệm thực tế. 2- Nghiệm chứng thiên văn suy diễn sự hiện hữu của Thượng Đế bằng vào sự cần thiết phải tìm một nguyên nhân đầu tiên* cho diễn trình vô tận của các nguyên nhân: một viên ngói rơi, nguyên nhân* là ngọn gió, nhưng tại sao lại là ngọn gió? Một giãn nở của không khí, nhưng tại sao có sự giãn nở đó?... Và người ta đi lên mãi đến Thượng Đế. Cái nguyên nhân này, theo Kant, bao hàm một bước nhảy vọt không chứng minh được, bởi giữa kiến thức của chúng ta và hiện tượng thiên nhiên (*mà đây chuyển thì vô tận*) và sự xác nhận Thượng Đế không có sự liên tục mà có sự thay đổi kỷ lục: tính bất định của kiến thức cảm quan của ta tự nó không tạo được sự nghiệm chứng của một kiến thức siêu việt (*Thượng Đế*)... Hay còn nữa: giữa cái vô cùng (*thực nghiệm*) của thế giới và cái vô cùng (*tính chất*) của Thượng Đế, không có sự đo lường chung. 3- Nghiệm chứng tâm lý: thực thể học* suy diễn ra Thượng Đế, sự tốt đẹp và sự đa dạng của thế giới về mục đích tính* của thiên nhiên... (*Thượng Đế là Nghệ sĩ tối cao*). Nhưng sự nghiệm chứng này không xây dựng trên một sự tương đồng mà chúng ta tưởng tượng một cách độc đoán giữa hành động tính của Thượng Đế và của con người. Thế nên, Kant lại chẳng đã muốn thêm vào những nghiệm chứng thiếu tính thuyết phục này bằng một nghiệm chứng đáng giá đây đủ: nghiệm chứng xây dựng trên sự hiện hữu đã có nơi chúng ta về tính luân lý của bốn phần* (*chứng nghiệm luân lý của Thượng Đế*). Cả đến sự kiện của sự bó buộc luân lý cũng là nghiệm chứng của một sự can thiệp siêu nhiên về chúng ta; sự kiện này đã thể hiện tiếng nói của Thượng Đế: thế nên chúng ta phải xác định sự hiện hữu của Thượng Đế mặc dù chúng ta không thể nói gì về tính chất của Ngài.

• thực tri luận

Xem trực quan thuyết.

• Thượng

上 - Danh từ đứng đầu đạo danh của chức sắc* phái nam Cửu Trùng Đài*, đạo phục màu xanh, biểu thị Lão giáo*.

• Thượng Đế

Dieu Suprême^F - God^A - 上帝 - Như đã được tôn

thờ trong Cao Đài giáo* với ngôi vị* Giáo Chủ Ngọc Hoàng Thượng Đế* Đấng Tối Cao, tự hữu hằng hữu, vô thủy, vô chung, vô cực, toàn thiện, toàn năng, toàn tri, bắt đầu và chung cuộc của mọi sự vật; toàn thiện, toàn mỹ, toàn chân và tốt đỉnh của mọi tôn giáo*, dù các môn đồ có nhận biết hay không bởi một chánh tín không ra ngoài Bản Thể* bất khả tri tức là sự bí nhiệm về Thượng Đế. Khái niệm căn bản này về Thượng Đế đã được hầu hết các nền triết học* Đông Tây suy diễn dù rằng triết học này thì xem như một khái niệm mơ hồ và phi nhân cách như phái duy vật kể cả các sư tổ; triết học khác thì có khái niệm một Đấng Thượng Đế nhân tính siêu việt trên đời như phái duy tâm. Trong hầu hết các tôn giáo xưa, ý niệm về Thượng Đế là một trực giác* được khái thị* từ Thượng Đế ban cho con người. Nhưng các triết gia* trên thế giới dù ở địa phương lãnh thổ hay thời đại nào cũng đã cố gắng, sau khi đưa ra một định nghĩa Thượng Đế, đã đem lại những bằng chứng về sự hiện hữu của Ngài. Nhiều luận cứ đưa ra từ lý trí. Người ta phân biệt các loại: 1- Bằng chứng siêu hình theo Platon* và môn đồ: thế giới trí tuệ làm siêu việt thế giới cảm giác, đó là thế giới ý tưởng mà trên đỉnh cao là Ý tưởng* hoàn hảo tức là Thượng Đế. 2- Bằng chứng đạo đức* theo những dự kiến của ý thức nhận biết nơi người một trách nhiệm của các hành động cần đến sự hiện hữu của một đấng lập pháp Quan tòa Tuyệt đối. 3- Bằng chứng lịch sử và vật lý dựa vào sự thỏa thuận của các dân tộc cộng đồng và những xác định liên tục của các thế hệ. Đó là những bằng chứng của các triết gia và của các nhà Thần học*. Trong những bằng chứng này cần phân biệt: a- Luận cứ vũ trụ học do Saint Anselme: ý tưởng về sự hoàn thiện con người đưa đến một cách chắc chắn về ý tưởng của sự hiện hữu Thượng Đế bởi vì sự hiện hữu là một sự hoàn thiện. b- Luận cứ Thiên Văn học*: sự vô cùng và sự liên tục của những nguyên nhân dẫn lùi lại vào Nguyên Nhân đầu tiên* (*nguyên nhân* của những nguyên nhân*) một động cơ không cử động là Thượng Đế. c- Luận cứ mục đích là bằng chứng do hậu quả với do nhận thức về trật tự vũ trụ cũng do sự hiện hữu của phần thực thể của Thượng Đế được nghiên cứu bởi các nhà Thần học bắt đầu bằng những ý tưởng tuyệt đối và hoàn hảo mà họ đã suy diễn những phụ thuộc siêu hình (*lý độc nhất, tính mệnh mông, tính*

Đồng Tân

trường tồn, tính tình nhất*) và đạo đức (sự thông minh, lòng tốt, sự khôn ngoan khoa học và Tạo công). Vị Thượng Đế độc nhất và nhân tính này không minh bạch trong các tôn giáo cổ xưa thường là Đa Thần. Tuy nhiên, rất khó mà đề ra ý tưởng Thượng Đế trong Cổ Ai Cập giữa một nền Đa Thần gốc bộ lạc được nhận diện, nhất là bởi sự đa dạng của danh xưng và hình thức. Vả chăng, dần dần theo với sự thống nhất các quốc gia, các nhà Thần học cố gắng phối hợp các tín ngưỡng* khác nhau tạo nên những gia đình Thần linh*, như đáng Chín Ngôi, đáng Ba Ngôi..., nhưng ý tưởng về sự siêu việt, ý tưởng trừu tượng về Thần linh thường tiềm ẩn nhất trong các sách triết lý. Tuy nhiên, nền Độc Thần được xác định bởi Akhenaton đã bị phế bởi đáng Thần linh độc nhất được đề ra thì có thể trông thấy và quá lộ liễu, và như thế đã mất đi tính chất trừu tượng đối diện với các Thần linh khác nhau là thành phần của di sản Ai Cập. Trong các tôn giáo ở Cận Đông, một đáng Thần linh to lớn đôi khi tách rời nền Đa Thần như Shamash, Mardoux. Tại Ấn Độ, ý niệm thống nhất, tuyệt đối, Brahman* có thể so sánh với ý niệm Thượng Đế và phụ thuộc vào nền Đa Thần bề ngoài. Dân Hébreux với Jéhovah* (*Yahvé của Kinh Thánh**) và sau, người Cơ Đốc với Chúa Ba Ngôi* và người Hồi giáo* với Allah* vẫn còn trung thành với Thượng Đế duy nhất siêu việt và Tạo Công thế giới. Trong Hồi giáo, khái niệm về Thượng Đế thật là một khái niệm chủ quan mà tất cả tín đồ đều hướng về đó. Kinh Coran* đã chẳng định nghĩa Allah: "*Không có Thượng Đế nào ngoài Ngài... Ngài là Đáng bác ái nhất, Đáng lân mẫn nhất... Allah thì bất diệt*". Nhưng, Thượng Đế có phải là bất khả tri đối với tư tưởng con người mà tự nhiên là cá biệt và hữu hạn*? Không thể chỉ là thuyết Thiên nhân đồng hình, từ đó rất khó hội kiến với Thượng Đế, biểu thị Ngài như thế giải thích những giới cấm* của Do Thái giáo* và Hồi giáo. Những người Cơ Đốc giáo* đầu tiên đã dùng những biểu tượng hình người. Muốn chỉ Đáng Chúa Cha, người ta tưởng tượng một bàn tay đưa ra từ đám mây, sau đó một ông già hay một Giáo hoàng* mang quả địa cầu*. Vào thời Phục Hưng, Ngài là một Jupiter vẫn giữ như thế cho đến thời kỳ Cổ điển. Đối với người dân da đen Mỹ châu thì ngài là một Mục sư Tin Lành già. Ở Trung Hoa, ý niệm về Đáng Thượng Đế đã có từ

Thượng Cổ, từ nhà Thương (1783-1100 trước Tây lịch), sau đó nhà Chu (1134-256 trước Tây lịch) đã dùng danh từ Thiên và Đế cũng đều biểu thị Đáng Tối Cao ngự trị cầm đầu vũ trụ nhân sinh. Như vậy, ý niệm về Thượng Đế là một ý niệm chung của nhân loại từ Cổ đại cho đến nay không đâu là không có. Cho dù thái độ chủ quan tự tôn của các người Hồi giáo vì không đạt được đủ mức khái thị về tính đại đồng vô biệt* nơi thế giới Vô hình mà đã tự đề cao ngôi vị* có một không hai của Đáng Allah trên đây thì cũng còn hơn là các nhà sư chỉ là những con người vô minh* - tôi không đề cập đến đức Thích Ca* khi ngài biết *Vạn hữu phát sinh từ một Nguyên nhân** - đã tự cho mình có cái khả năng siêu việt mà phủ nhận ý niệm về Đáng Tạo Hóa dù đôi khi họ đã dùng những danh từ Nhất Như hay Như Lai* cũng hàm ý như danh xưng Tạo Hóa hay Thượng Đế mà họ đã phủ nhận để bảo thủ tính vô minh của mình. Buổi Hạ nguồn* mạt pháp này, trước hiện tình nhân loại đảo điên nguy khốn về mọi mặt mà vai trò cứu thế do các cụ giáo* đề ra đã không còn tác dụng hữu hiệu cho nội bộ mình khi đã thất chơn truyền* nên đành chịu bất lực trước mọi biến cố khắp nơi, cả cho tôn giáo mình nữa - với lời tiên tri ngày tận thế* như đã có - nên Đáng Thượng Đế tự mình giáng thế với biểu tượng Thiên Nhân* cho nhân loại thấy rõ cơ mầu nhiệm* của Linh Năng* đang giám sát và điều động vũ trụ từ bao giờ mà sách Lý Thuyết Tổng Hợp* và Bản Thể Luận* của Đồng Tân đã chứng minh đầy đủ trong Cao Đài giáo*. Theo những phát hiện từ đầu thế kỷ XX với hiện tượng Thông Linh học* từ Pháp với Allan Kardec* thì Đáng Thượng Đế - Dieu đã Thánh hiện với ẩn danh là Z* mẫu tự cuối cùng ở Tây phương, sau đó Ngài xưng là A Ấ Ấ* là mẫu tự đầu tiên tại Đông phương* trước khi tự nhận là Đáng Thượng Đế tá danh* Cao Đài* với biểu tượng Thiên Nhân mà đức Ngô Minh Chiêu* đã thấy hai lần tại Phú Quốc để làm biểu tượng thờ Ngài. Chính Đồng Tân đã hân hạnh nhìn thấy ánh Thiên Nhân đầy hào quang trong ba lần vào đêm khuya (*giờ Tý*) trong buổi đàn cơ* mà Đồng Tân là đồng tử* tại Thánh Thất Trung An miền trung du Quảng Nam thời chiến tranh Pháp Việt năm 1947, đương thời cộng sản muốn tiêu diệt Cao Đài giáo tại Việt Nam. Như vậy, Thượng Đế không giáng hiện với hình người như các cụ giáo đã bày ra nên sự tranh

giành giữa các cựu giáo chỉ do con người phạm tục mà ra chứ không phải do Thượng Đế vậy. Đến đây thiết tưởng cũng nên ghi ra đây một đợt sự cần biết về sự hiện hữu của Thượng Đế: một đại đức Theravada từ Tích Lan sang Sài Gòn vào đầu thập niên 1970 thuyết pháp tại chùa Xá Lợi về đề tài Sự hiện hữu của Thượng Đế, Đồng Tân có xem tin trên báo và biết ông này ba hoa chứ các nhà sư biết gì về Thượng Đế mà giảng thuyết nếu chẳng dùng đề tài này mà nhạo báng các tôn giáo khác tôn thờ Thượng Đế. Và thế là vào ngày giờ ấn định (tôi không nhớ) vào một sáng tôi đến đó. Khi thấy ông Đại đức trong bộ đạo phục màu vàng thao thao bất tuyệt đủ thứ luận điệu các triết gia* Âu Tây kể cả Voltaire (mà ông kể như một người chối Chúa khi Voltaire chỉ chống các cha Jésuites* đương thời với thái độ cực đoan tin Chúa mà nhà hiền triết Pascal* đã lên án) để xem thường Đấng Thượng Đế, tôi đã tìm gặp ông tại văn phòng và hỏi ông hai câu hỏi: 1- về sự hiện hữu của linh hồn*, 2- về sự hiện hữu của Thượng Đế và buộc ông phải cho biết ý kiến của chính ông - chứ không nghe theo những dẫn chứng của người khác như ông đã trình bày - thì ông ngơ ngác vì đã không biết có linh hồn thì làm sao đem nói về Thượng Đế bởi ngôn ngữ Tây phương có câu: "Đem nói về sự hiện hữu của Thượng Đế với một người không biết có linh hồn thì có khác gì đem màu sắc nói với người mù". Tôi đã kết thúc câu chuyện là khuyên ông nên về Tích Lan tu thêm nữa cho đến bao giờ giác ngộ* được sự hiện hữu của Thượng Đế rồi sẽ nói về Ngài còn không biết thì đừng bao giờ ngạo mạn với Ngài.

• Thượng Đế Lý Tính

La Nature de Dieu^F - The God Nature^A - 上帝理性
 - Nói cách khác là cách thức mà người tín ngưỡng* nhận diện Thượng Đế*. Sự kiện này cho ta phân biệt: một mặt là Hữu Thần luận* (théisme): tin vào một Thượng Đế cá tính và sống động; và, mặt khác là Tự Thiên luận* (déisme) chấp nhận sự hiện hữu của Thượng Đế nhưng lại chối bỏ tất cả những khái niệm* và thể hiện về Thượng Đế (Do Thái giáo*, Tin Lành giáo*). Thật ra, đi tìm Lý* Tính Thượng Đế tức là đi tìm hiệu năng của Ngài đối với quan niệm thế nhân. Đây là một vấn đề tâm linh ra ngoài tầm ngó quan của con người. Cho nên, Thượng Đế

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Lý Tính được xem như là đối tượng của đức tin* và sự giác ngộ* của loài người, cần tìm hiểu lần lượt như sau:

1- Sự hiện hữu của Thượng Đế: các triết gia* từ xưa nay đã đặt những câu hỏi về Vũ trụ, về thế giới loài người với sự tấn hóa không ngừng của nó và đã tìm những nghiệm chứng gọi là "thực thể nghiệm chứng*" để tìm hiểu về sự hiện hữu của Ngài. Cứ tìm xem phần này sẽ biết rõ điều đó. Duy có phần sáng tạo điển hình nhất là sự hiện hữu của Thượng Đế không thể bỏ qua. Về vấn đề sáng tạo thế giới thì có một quan niệm chủ trì về sáng tạo, theo đó sự thực hiện cần có một ý tưởng hay một khuôn mẫu theo Do Thái Cơ Đốc giáo* và một quan niệm tự nguyện, theo đó một đồ vật mà người ta tạo ra đã phát xuất và khai triển trong nhu cầu thực hiện. Alain nói: "Những kế hoạch chỉ mọc lên từ khởi thảo, về phương diện tâm lý, khái niệm cuối cùng này tương ứng nhiều hơn về đặc tính các sự việc. Sáng tạo theo một kiểu mẫu thì không phải mỹ thuật mà là kỹ nghệ". Về phương diện thần học*, sự sáng tạo xem trọng tính toàn năng của Thượng Đế, thay vì dựa theo một kiểu mẫu mà Ngài không hề tạo ra, Ngài đã tạo ra vừa ý tưởng cùng lúc với sự vật.

2- Lý tính* của Thượng Đế: hay nói cách khác là cách thức mà người có đức tin hình dung ra Thượng Đế. Không có triết gia nào, nhà tư tưởng nào, cả đến người vô thần đã suy ra vấn đề Thượng Đế và kiến thức - hay sự mơ hồ của của ý thức* - mà chúng ta có thể tin được vào đó. "Chỉ có con tim cảm nhận Thượng Đế chứ không phải lý trí, đó là cái gọi là đức tin. Thượng Đế chỉ cảm nhận được bằng con tim, chứ không bằng lý trí" (Pascal*). Đối với Fichte* hay Spinoza* thì ngược lại: "Chỉ có ngọn lửa của kiến thức trong lành, hoàn toàn trong suốt với nó và tự nó có được một cách tự do thì mới có khả năng bảo đảm bởi tính trong sáng đó sự hiện diện bất khả tư nghị của Thượng Đế". Nếu không có sự hiểu biết về Thượng Đế bằng trái tim hay bằng lý trí, nhiều nhà tư tưởng tuy vậy cũng xem Thượng Đế như một sự bó buộc. Voltaire* nói: "Nếu không có Thượng Đế thì phải sáng chế ra Ngài" (Si Dieu n'existait pas, il faudrait L'inventer) bởi vì "Nếu không có Thượng Đế thì việc gì cũng có thể làm được" (Si Dieu n'existe pas, tout est permis- Dostoievski). Ngược lại, Nietzsche

Đồng Tân

cũng đồng ý rằng nơi ta thiếu vắng sự hiểu biết và ý thức về Thượng Đế: "*Thượng Đế đã chết trong ý thức của người Âu châu... tôi chỉ nói cái tin như vậy*". Và ông tiên đoán: "*Chúng ta phải chờ nhiều sự việc xảy ra, nhiều chết chóc, phá hoại, điều tàn và đổ vỡ nữa...*". Những quan niệm trên đây về đủ khía cạnh triết học cũng như tôn giáo* đã nhìn Thượng Đế trong tầm nhận định đầy màu sắc thế gian mà con người có thể có được. Một vấn đề căn bản, tuy vậy đã chưa được nêu ra: đó là sự tìm hiểu về bản thân con người. Đây là một sự kiện mà con người đã bị mờ mịt một phần do các thành kiến tôn giáo độc tôn tự cho mình là đúng khi chỉ quyên rũ một số người nhẹ dạ cả tin; phần khác do các tà thuyết* duy vật không chế tất cả, dù chỉ là những nhận định hời hợt do ảnh hưởng vật dục nhứt thời nên không còn biết một Vũ trụ thu hẹp trong con người cũng có nghĩa là nhân thân là một mẫu dung hợp* giữa hai đại và tiểu Vũ trụ nên gồm thâu tất cả (*xin xem các sách Lý Thuyết Tổng Hợp* với tầm nhìn khoa học* và sách Bản Thể Luận* với tầm nhìn triết học của Đồng Tân*). Then chốt của vấn đề là cái chìa khóa - chứ không phải đơn thuần là con tim hay lý trí hoặc cường điệu như các triết gia* trên - mà cái chìa khóa ấy là linh hồn* đang hiện diện mà phần bộc lộ là tư tưởng nơi con người. Chính cái linh hồn khi phối hợp với thể xác để hình thành tư tưởng hiện diện nơi con người là cái cửa ngõ đi vào Vũ trụ mà con người có khả năng nhận diện Thượng Đế vốn là phần Tâm Linh Vũ Trụ* đã phân phối ra cùng vạn vật thành phần tâm linh tức linh hồn với mức độ đầy đủ Linh Năng nơi con người. Cho nên, khi đề cập đến Thượng Đế thì con người phải tự biết mình có linh hồn bởi cái linh hồn là cửa ngõ đi vào thế giới Tâm Linh Vũ Trụ, còn nếu không tự giác* như thế thì đừng bao giờ nói về Ngài (*Xin xem Thượng Đế*).

• Thượng giới

上界 - Gọi chung chín tầng Trời hay Cửu Trùng Thiên*.

• Thượng Hội

Le Haut Conseil^F - The High Council^A - 上會 - Hội tối cao trong ba hội lập quyền Vạn Linh* (*thể hiện trong Hội Vạn Linh**), cho nên hội viên chỉ gồm có mười một vị chức sắc* cao cấp của Lương Đài Hiệp

Thiên và Cửu Trùng mà thôi. Đó là Giáo Tông* (Nghị Trưởng), Hộ Pháp* (Phó Nghị Trưởng) và chín nghị viên Thượng Phẩm*, Thượng Sanh*, ba Chương Pháp* và ba Đầu Sư* nam và một Đầu Sư nữ. Phục vụ hành chánh có 11 từ hàng phẩm Phối Sư* hay Giáo Sư*. Theo chương trình đã có thời sơ khai tại Tòa Thánh Tây Ninh* năm 1931 thì Thượng Hội họp vào ngày Thượng nguồn* (*rằm* tháng giêng mỗi năm*), nhưng về sau, ông Phạm công Tắc* canh cải khác theo ý ông thì không đúng. Về phận sự thì Thượng Hội xem xét và phê chuẩn các điều khoản của Hội Thánh* và Hội Nhơn Sanh* đã đệ trình trong năm trước và giải quyết các đạo sự tiến hành trong năm mới.

• Thượng kỳ Ân xá

Suprême Amnistie^F - Supreme Amnesty^A - 上期恩赦 - Trong thời kỳ khai giáo lần thứ ba của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, Đức Cao Đài* ban lệnh đại xá* chúng sanh đối với những người muốn hồi đầu qui thiện, không bỏ sót một ai, để cứu họ thoát khỏi cảnh u trầm thế gian theo mức độ tu tập thích nghi. Đây là sự thực thi đạo pháp* chứ không phải chỉ những lời tụng niệm cho nhiều (*như kiểu các sư thầy, tụng đắc nhứt thiên biến, nhứt thân ly khổ nạn, tụng đắc nhứt vạn biến hiệp gia ly khổ nạn... hay như kiểu các cha cố ăn bánh thánh cho nhiều thì được cứu...*) bởi đây là phương pháp giúp cho con người tự cứu lấy mình bằng cách tự giác* các nguyên căn* bám thụ nơi mình để rèn luyện cho nó sáng sửa trong công cuộc tấn hóa chung mà loài người đang tự dẫn thân vào đó, chứ không có nghĩa là tự xem mình có tội từ tổ tông hay chỉ là cái căn nghiệp vô minh* phải chịu. Thượng kỳ Ân xá vào thời Hạ nguồn* mật pháp này là sự cảnh tỉnh chung loài người vậy.

• Thượng nguồn

Ère supérieur^F - Upper era^A - 上元 - Căn cứ theo nền Đạo học* Đông phương* thì đây là nguồn đầu tiên của lịch sử nhân loại còn thô sơ hồn nhiên và chất phác nên còn gọi là Nguồn Thượng Đức*.

• Thượng Phẩm

Le Supérieur Spirituel^F - The Spiritual Superior^A - 上品 - Chức sắc* cao nhất của chi Đạo* thuộc cơ quan Hiệp Thiên Đài*, thay mặt Hộ Pháp* và tòng

lệnh Hộ Pháp mà hình sự, nắm luật đạo nơi tay mà binh vực cả chức sắc Thiên phong* cũng như tín hữu, chẳng cho ai phạm luật, làm chủ các phòng luật, trạng sư cho tín đồ. Thượng Phẩm là cây cờ hình dung pháp đạo. Hễ đạo nơi nào thì Thượng Phẩm nơi ấy, đối quyền với Chương Pháp* bên Cửu Trùng Đài*. Hiệp Thiên Đài canh giữ luật đạo mà Thượng Phẩm là hành chánh đạo nên Thượng Phẩm được xem là người của Cửu Trùng Đài bên Hiệp Thiên Đài, cũng như Thượng Sanh*.

tắm mặc.

• Thượng Sanh

Le Supérieur Temporel^F - The Temporal Superior^A
- 上生 - Chức sắc* cao nhất của chi Thế* trong cơ quan Hiệp Thiên Đài*, thay mặt Hộ Pháp* nắm luật nơi tay mà điều dặt cả chúng sanh tu tấn lập công bởi đức. Thượng Sanh chủ các phòng luật. Mọi vấn đề thuộc về thế tục thì thuộc quyền của Thượng Sanh, đối phẩm Chương Pháp*, là người của Hiệp Thiên Đài bên Cửu Trùng Đài*.

• Thượng Thanh

Suprême Bien^F - Supreme Good^A - 上清 - Danh từ đạo pháp* chỉ Nguơn Thần* (phần Vô Vi).

• Thượng Thanh Thiên

Suprême Pur Ciel^F - Supreme Pure Sky^A - 上青天 - Tầng Trời thứ 11 trong Thập nhị Khai Thiên*.

• Thượng thống

Chức vụ cao nhất của một viện trong cơ quan Cửu Viện* do ông Phạm công Tắc* đặt ra tại Tây Ninh từ 1938, thời sơ khai nền đạo gọi là Quản lý mà các chi phái* khác còn giữ.

• Thượng thừa

Degré supérieur^F - Superior degree^A - 上乘^m - Cấp tu học cao nhất trong phần Phổ Độ* Cao Đài giáo*, với lời tự nguyện trường trai thủ giới tuyệt dục. Chức sắc* thuộc hàng Giáo Hữu* trở lên phải là hàng Thượng thừa.

• Thượng trí

homme supérieur^F - superior man^A - 上智 - Giới trí thức có phẩm hạnh tạo được công ích ở đời, trong Nho học* gọi là Thượng trí đối lập với hạ ngu* là người dân thường không biết gì ngoài miếng ăn

